

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 765/2022/DS-PT

Ngày 17/11/2022

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế, hủy Giấy
chứng nhận Quyền sử dụng đất, tuyên bố
văn bản công chứng vô hiệu, hủy hợp đồng
tặng cho QSDĐ, hủy văn bản phân chia tài
sản thừa kế”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/DS-PT ngày 01 tháng 8 năm 2022, về việc: “Tranh chấp thừa kế, hủy giấy CNQSDĐ, tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ, hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1921/2022/QĐ-PT, ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Phạm Thị Xuân V, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 02, đường H, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xét xử vắng mặt).

1.2. Bà Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 44, đường H, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xét xử vắng mặt).

1.3. Bà Phạm Thị Xuân Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 48, đường L, Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V, bà T, bà Th: Luật sư Nguyễn Thị Điều, Văn phòng Luật sư Thành Đạt - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm

Đồng; địa chỉ: Số 45, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Xuân P, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 33/9, đường P, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà P: Bà Phan Thị Lệ Th1, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 93, đường N, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng - Văn bản ủy quyền số 1306, quyền số 05 SCT/CK, ĐC do Văn phòng Công chứng Vạn Tin chứng thực ngày 26/11/2019 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Xuân U, sinh năm 1963; địa chỉ: 10181 Bessmer Lane, Fairfax, Virginia 22032, USA, (vắng mặt).

3.2. Vợ chồng anh Phạm Gia Kỳ T1, sinh năm 1972 (có mặt), chị Nguyễn Đoàn Uyên N, sinh năm 1976 (vắng mặt); địa chỉ: Số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng,

3.3. Chị Phạm Nguyễn Uyên Th2, sinh năm 2003;

3.4. Chị Phạm Nguyễn Uyên Th3, sinh năm 2008.

Cùng địa chỉ: Số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1974;

3.6. Bà Nguyễn Thị Kim Th4, sinh năm 1976.

3.7. Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1981,

3.8. Ông Nguyễn Hồng V1, sinh năm 1985,

Cùng địa chỉ: Số 33/9, đường P, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

3.9. Bà Nguyễn Thị Ái H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 891, đường N, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cư trú tại số 33/9, đường P, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

3.10. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thiện San - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Trung - Văn bản ủy quyền số 3899/UBND-NC ngày 25/6/2021 (vắng mặt)

3.11. Phòng Công chứng số 01, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng, số 36, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lệ Dung - Trưởng văn Phòng (vắng mặt).

3.12. Văn phòng Công chứng T. Địa chỉ: Số 52, đường T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Anh - Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

3.13. Bà Hồ Thị Kim A, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 03, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/02/2021, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án của bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th, trình bày:

Cha mẹ của các bà là cụ Phạm Ngọc Cẩm (sinh năm: 1928, chết ngày 29/11/1993), cụ bà Đoàn Thị Một (sinh năm: 1929, chết ngày 15/01/2015); cụ Cẩm, cụ Một có 07 người con gồm: bà Phạm Thị Xuân P, ông Phạm Ngọc Cẩn (sinh năm 1954, chết năm 1968, không có vợ, con), bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân U, bà Phạm Thị Xuân Yên (sinh năm 1962, chết năm 1984), bà Yên có chồng là Phan Khả, sau khi bà Yên chết thì ông Khả đã lập gia đình mới và sinh sống tại thành phố Bảo Lộc, địa chỉ cụ thể thì không biết vì thời gian đã quá lâu không còn liên lạc gì. Bà Yên và ông Khả con chung là Phan Gia Kỳ Sơn (sinh năm 1983, chết năm 1997), ông bà nội và ông bà ngoại của bà Yên đã chết từ rất lâu và chết trước cụ Cẩm, cụ Một. Ngoài ra cụ Cẩm, cụ Một không có người chồng, người vợ nào khác, không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Trước khi cụ Cẩm chết có lập Di chúc giao cho bà P giữ bản chính và phô tô cho các bà mỗi người một bản và hiện nay bà P cho rằng bị mất bản chính Di chúc này. Riêng mẹ bà là cụ Đoàn Thị Một có lập di chúc tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng ngày 18/5/2004 nhưng di chúc này chỉ hợp lệ một phần bởi lẽ mẹ bà định đoạt toàn bộ diện tích đất do cụ Cẩm, cụ Một tạo lập nên cho cháu ngoại là anh T1.

Tài sản do cha, mẹ của các bà tạo lập lúc còn sống gồm có:

+ Quyền sử dụng đất diện tích ở tại đô thị 300m², thuộc thửa đất 685, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tài sản gắn liền với đất là nhà trệt, diện tích xây dựng và diện tích sàn là 80,12m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 04/01/2008 cho cụ Đoàn Thị Một và cụ Phạm Ngọc Cẩm (chết).

+ Quyền sử dụng đất diện tích 605m², thuộc thửa 197, tờ bản đồ số 14, tọa lạc Phường 5, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K326085 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho Phạm Thị Xuân P ngày 24/9/1997.

Ngày 15/2/2008 điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp của thửa 197, tờ bản đồ số 14 là 470m² (phần còn lại đã chuyển sang đất ở theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL012570 ngày 04/01/2008), ngày 11/12/2012 tặng cho Phạm Gia Kỳ T1 theo Hợp đồng tặng cho số 2187Q4, chứng thực ngày 23/11/2012.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 245m², thuộc thửa số 198, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Phường 5, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M448158 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho hộ bà Phạm Thị Xuân P ngày 12/10/1998. Ngày 15/02/2008 điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp của thửa 198, tờ bản đồ số 14 là 220m² (phần còn lại đã chuyển sang đất ở theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL012570 ngày 04/01/2008), ngày 11/12/2012 tặng cho Phạm Gia Kỳ T1 theo Hợp đồng tặng cho số 2187Q4.

Năm 1997 và 1998 bà Phạm Thị Xuân P đã kê khai để xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nói trên, sau đó tặng cho anh Phạm Gia Kỳ T1. Việc bà P tự ý đi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật, gia đình đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không được. Hiện nay nhà, quyền sử dụng đất đang tranh chấp do anh T1 quản lý, sử dụng. Mặt khác bà P còn yêu cầu các bà và bà U ký vào Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế để bà P mở thừa kế đối với tài sản là nhà và Quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 04/01/2008 cho cụ Một và cụ Cẩm nhưng các bà và bà U không đồng ý nên bà P không thực hiện được.

Ngoài ra bà P còn đưa cụ Một đến Phòng công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng để cụ Một lập Di chúc ngày 18/5/2004, nội dung di chúc cụ Một định đoạt hai di sản: Một là quyền đồng sở hữu (1/2 căn nhà) số 05 An Tôn, Phường 5, thành phố Đ và kỹ phần thừa kế mà cụ Một được hưởng của cụ Cẩm cho con gái trưởng nữ là Phạm Thị Xuân P và cháu ngoại là Phạm Gia Kỳ T1 (*nhà được Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu ngày 01/6/1988*). Hai là Quyền sử dụng đất 1.087m², thuộc thửa 546, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại phường 5, thành phố Đ để lại cho cháu ngoại Phạm Gia Kỳ T1. Tại thời điểm cụ Một lập di chúc các thành viên trong gia đình không ai được biết, do đó di chúc của cụ Một được Phòng công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 18/5/2004 là trái quy định của pháp luật.

Do đó các bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Chia di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật gồm các tài sản như sau:

+ Quyền sử dụng đất diện tích ở tại đô thị 300m², thuộc thửa đất 685, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất là nhà trệt, diện tích xây dựng và diện tích sàn là 80,12m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/01/2008 cho cụ Đoàn Thị Một và ông Phạm Ngọc Cẩm (chết).

+ Quyền sử dụng đất diện tích 470m², thửa 197, tờ bản đồ số 14 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K326085 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho Phạm Thị Xuân P ngày 24/9/1997, tặng cho Phạm Gia Kỳ T1 ngày 11/12/2012.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 220m², thửa số 198, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M448158 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho hộ bà Phạm Thị Xuân P ngày 12/10/1998, tặng cho Phạm Gia Kỳ T1 ngày 11/12/2012.

2/ Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K326085 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho bà Phạm Thị Xuân P ngày 24/9/1997, tặng cho Phạm Gia Kỳ T1 ngày 11/12/2012 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M448158 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho hộ bà Phạm Thị Xuân P ngày 12/10/1998, tặng cho Phạm Gia Kỳ T1 ngày 11/12/2012.

3/ Hủy một phần di chúc của cụ Đoàn Thị Một do Phòng công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng chứng thực số 1039, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/5/2004 đối với mục 01 tại di chúc “Quyền đồng sở hữu (1/2 căn nhà) số 05, An Tôn, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và kỷ phần thừa kế mà cụ Một được hưởng của cụ Cẩm cho bà Phạm Thị Xuân P và cháu Phạm Gia Kỳ T1”.

4/ Hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng Đà Lạt (nay là Văn phòng Công chứng T) chứng thực số 2186 và 2187, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2012.

5/ Hủy một phần Văn bản phân chia tài sản thừa kế do Văn phòng công chứng Đà Lạt chứng thực số 2185, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2012.

Không tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 1.087m², thửa 546, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Theo họa đồ đo vẽ thì có một phần quyền sử dụng đất diện tích bà Giáo (hiện nay là bà Hồ Thị Kim A) đang sử dụng, thống nhất sử dụng đúng hiện trạng thực tế, không tranh chấp.

Các bà đưa ra phương án thỏa thuận: Bà P tách quyền sử dụng đất diện tích 300m² cho bà V, bà T, bà Th làm nhà thờ cúng, đứng tên đồng sử dụng mang tên 05 chị em, phần diện tích đất còn lại là của bà P tự định đoạt, trong trường hợp không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà P trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của các đồng nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống; diện, hàng thừa kế của vợ chồng cụ Cẩm và cụ Một. Quá trình chung sống cụ Cẩm, cụ Một có tạo lập được 01 căn nhà có diện tích 90m² và một số diện tích đất nông nghiệp tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vào ngày 19/7/1993, cụ Cẩm, cụ Một có lập chúc thư phân định tài sản và chỉ định rõ việc phân chia di sản thừa kế như sau:

I. Trích trí: Phần tiền dưỡng lão, hậu tán chung và hương yên tế tự: Một khoảnh đất rau hoa trước nhà, sát tiểu lộ vườn ươm diện tích 400m² trị giá 17 lượng vàng giao cho trưởng nữ Phạm Thị Xuân P và cháu đích tôn Phạm Gia Kỳ T1 trực tiếp canh tác, phụng dưỡng cha mẹ, tu bổ từ đường.

II. Trích trí đất hoang nhân thổ mộ: diện tích 2.000m² (kể cả đất và muối) đông giáp đất Trần Thành thuộc phần 2 thừa kế Phạm Thị Xuân U và “cố” Phạm Thị Xuân Yên mỗi người một nửa.

- Kỷ phần Phạm Thị Xuân U (quy bắc), Phạm Thị Xuân Yên (qui nam). “Cố” Phạm Thị Xuân Yên có sinh hạ 01 con trai 10 tuổi tên Phạm Gia Kỳ Sơn được hưởng phần thừa kế của mẹ, trong lúc con thơ sinh, hội đồng gia tộc cử 04 người giám hộ: Phạm Thị Xuân P, Phan Khả, Trần Văn Sang và Phạm Gia Kỳ T1 trực tiếp canh quản, tham gia góp ý, chờ khi nào Kỳ Sơn đứng tuổi trưởng thành thì hội đồng giám hộ giao lại cho Kỳ Sơn sử dụng.

III. Số diện tích tích sau khi trích trí còn lại quân phân như sau:

1. Kỷ phần Phạm Thị Xuân P: diện tích 1.000m² thuộc đất rau hoa gồm 3 khoảnh, kể cả thổ cư và 01 ngôi nhà thờ.

2. Kỷ phần Phạm Thị Xuân Th: diện tích 1.000m² (đất vông) tây giáp kỷ phần Xuân Phương.

3. Phạm Thị Xuân V và Phạm Thị Xuân T: 2.000m² mỗi người 1/2, đất của Phạm Thị Xuân V (qui bắc), kỷ phần của Phạm Thị Xuân T (qui nam)”.
Chúc thư này được ông Ngô Tấn Công viết lại trên cơ sở bút tích của ông Phạm Ngọc Cẩm, có xác nhận của ông Dương Hiến Bá có đại diện nội tổ chứng kiến và ông Đoàn Văn Tứ đại diện ngoại tổ chứng kiến.

Mặc dù tiêu đề được xác định là chúc thư, tuy nhiên thực tế sau khi cụ Cẩm viết chúc thư thì tất cả các con đã được nhận phần đất được phân chia để sử dụng, canh tác (được thể hiện trong chúc thư: *“nay vợ chồng chúng tôi tuổi già sức yếu nên thuận phân cho các con mỗi đứa một ít để canh tác sinh sống, lo thuế cho nhà nước”*)

Theo sơ đồ địa chính, diện tích đất của cụ Cẩm và cụ Một để lại được thể hiện tại tờ bản đồ số 14, thuộc các thửa 197, diện tích 605m²; thửa 198, diện tích 495m²; thửa 199, diện tích 431m²; thửa 208, diện tích 306m²; thửa 210, diện tích 110m²; thửa 207, diện tích 912m²; thửa 206, diện tích 2.672m²; thửa 205, diện tích 1.200m². diện tích 1.087m², thuộc một phần thửa 205.

Căn cứ vào bản phân định tài sản nêu trên thì phần của bà P được nhận các thửa 197, 198, 199, 208; phần bà Th nhận thửa 207, bà V và bà T nhận thửa 206, phần của bà U và bà Yên thửa 205.

Ngày 02/02/1996 do không có khả năng canh tác nên bà Th đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất được chia là thửa 207 (912m²) cho bà P với

giá 10.000.000đ (tương đương 02 lượng vàng), ngày 07/7/1999 bà T sang nhượng cho bà P ½ thửa 206 (diện tích 1.336m²) cũng với giá 02 lượng vàng có giấy viết tay. Riêng bà T đã làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K326020 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 24/9/1997, ngày 03/6/2003 thì bà T lập hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất cho bà P, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; còn bà U vẫn đang sử dụng đất do cụ Cẩm, cụ Một phân chia. Riêng phần đất chia cho bà Yên do cháu Sơn (con của bà Yên) đã chết năm 1996 nên trong các chị em thống nhất giao phần này cho bà U quản lý, sử dụng, phần đất này bà U đã đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên bà U.

Trong thời gian cụ Một còn sống, cụ cũng không phản đối việc các con đang sử dụng đất và việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, ngày 18/5/2004 cụ Một đã lập di chúc giao quyền đồng sở hữu ½ căn nhà và kỹ phần thừa kế mà cụ Một được hưởng của cụ Cẩm cho bà P và anh T1 được hưởng và quyền sử dụng 1.087m² đất thuộc thửa 546 cho anh T1. Việc lập di chúc của cụ Một về ý chí không hề khác gì so với bản chúc thư mà cụ Cẩm, cụ Một đã lập ngày 19/7/1993. (Phần đất 1.087m² này cụ Một chỉ mới đăng ký kê khai, chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và diện tích đất này dự kiến tách từ thửa 205 thành thửa 584).

Trên cơ sở đất được cha mẹ phân chia và nhận chuyển nhượng của bà T, bà Th thì bà P đã hoàn tất thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và sau đó đã lập hợp đồng tặng cho anh T1. Do đó, bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Theo lời trình bày của bà Phạm Thị Xuân U: Bà thừa nhận bản chúc thư phân định tài sản của cụ Cẩm, cụ Một để lại là đúng sự thật. Thực tế các chị em trong gia đình đã nhận đất và sử dụng đúng theo chúc thư phân định tài sản của cụ Cẩm, không ai thắc mắc, có ý kiến gì.

Bà cam kết bản chúc thư do ông Ngô Tấn Công (cháu họ ông Cẩm) sao chép lại dưới sự chứng kiến của cụ Cẩm, khi đó cụ Cẩm còn sống và thống nhất với bản chúc thư này, chữ ký là do cụ Cẩm ký. Trong thực tế có 02 bản chúc thư, 01 bản do cụ Cẩm soạn thảo và 01 bản do ông Ngô Tấn Công sao chép lại, bản chúc thư do cụ Cẩm soạn thảo được ông Công viết lại, về nội dung không có gì thay đổi.

- Theo lời trình bày của anh Phạm Gia Kỳ T1: Bản chúc thư phân định tài sản của ông Ngô Tấn Công sao chép từ bản thảo theo chúc thư phân định tài sản của cụ Cẩm do chính tay cụ Cẩm ký là đúng, lúc đó cụ Cẩm còn sống, cụ đã đọc lại chúc thư và cụ đã ký vào bản chúc thư, đó là ý chí, nguyện vọng của cụ để lại. Do vậy anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Theo Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân thành phố Đ: Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ bà P, tại đơn đăng ký Quyền sử dụng đất ngày 19/4/1996 bà P đăng ký kê khai các thửa 197, diện tích 605m², thửa 198, diện tích 495m², thửa 199, diện tích 431m², thửa 208, diện tích 306m²,

thửa 210, diện tích 118m², thửa 207 diện tích 912m², tờ bản đồ số 14, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tại đơn nêu trên bà P kê khai 07 nhân khẩu và ý kiến của hội đồng cấp.

Ngày 01/9/1998 Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng họp xét cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (đính kèm biên bản xét cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có bà P).

Ngày 21/9/1998 Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có thông báo số 10/TB-UB về việc công khai hồ sơ xấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất với nội dung “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nói trên ai có đủ điều kiện khai báo thêm hoặc khiếu nại thì nộp đơn tại Ủy ban nhân dân xã, phường để hội đồng đăng ký đất thẩm tra giải quyết. Nếu quá thời hạn nói trên, mọi việc khai báo thêm hoặc khiếu nại sẽ không được giải quyết...”.

Ngày 25/9/1998 Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đ lập biên bản xét duyệt đơn đăng ký của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trong phạm vi Phường 5 cho 178 hộ gia đình, cá nhân, đính kèm danh sách có tên bà P, thửa 198, diện tích 245m², tờ bản đồ số 14, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 25/9/1998 Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đ có tờ trình số 18/TT-UV về việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (đính kèm danh sách có bà P).

Ngày 03/10/1998 Phòng địa chính thành phố Đ chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đ lập biên bản kiểm tra hồ sơ xét duyệt cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nông nghiệp của Phường 5, thành phố Đ.

Ngày 06/10/1998 Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đ có biên bản về việc kết thúc công khai hồ sơ đăng ký đất với nội dung “...Trong thời hạn nói trên, Ủy ban nhân dân xã đã tiếp nhận 01 đơn khiếu nại về đất...”.

Ngày 09/10/1998 Phòng địa chính Đà Lạt có tờ trình số 302/TT-ĐC gửi Sở địa chính tỉnh Lâm Đồng, Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc phê duyệt Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nông nghiệp đợt 4 tại Phường 5, thành phố Đ (đính kèm danh sách có bà P).

Ngày 12/10/1998 Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M448158 cho hộ bà P với diện tích 245m² đất nông nghiệp, thửa 198, tờ bản đồ số 14, Phường 5, thành phố Đ.

Xác định hộ bà P tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M448158 thì tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 19/4/1996 bà P đăng ký kê khai các thửa 197, 198, 199, 208, 210, 207, tờ bản đồ số 14, Phường 5, thành phố Đ, tại đơn đăng ký nêu trên bà P kê khai có 07 nhân khẩu.

Việc cơ quan chức năng lập trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ bà P nói trên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Theo Văn bản trả lời của Văn phòng Công chứng T: Văn phòng Công chứng T kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Văn phòng công chứng Đà Lạt, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trước kia Văn phòng công chứng Đà Lạt có chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Tấn Huỳnh đối với một phần Quyền sử dụng đất ông Huỳnh để lại tại Phường 5, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K326084, X260371, K326085, M448158 với nội dung những người đồng thừa kế theo pháp luật nhượng phần di sản của mình được hưởng cho bà P.

Sau đó bà P đã tặng cho toàn bộ Quyền sử dụng đất nói trên cho anh Phạm Gia Kỳ T1. Văn phòng công chứng chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 23/11/2012 là đúng quy định, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Theo Văn bản trả lời của Phòng công chứng số 01, tỉnh Lâm Đồng: Qua kiểm tra hồ sơ lưu tại Phòng công chứng thì thấy di chúc do cụ Một được công chứng viên chứng nhận là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm công chứng cụ Một có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tinh táo, minh mẫn. Nội dung di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Tại Bản án dân sự số 12/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

- Căn cứ các khoản 3, 5, 14 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 157, 161, 165, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

- Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ các Điều 121, 122, 465, 467 điểm a khoản 1 Điều 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng số K326085 do Ủy ban nhân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/9/1997 cho bà Phạm Thị Xuân P, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M448158 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/10/1998 cho hộ bà Phạm Thị Xuân P; hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế do Văn phòng Công chứng T chứng thực số 2185, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2012; hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim Th4, bà Nguyễn Thị Ai H, ông Nguyễn Hồng Q, ông Nguyễn Hồng V1 và bà Phạm Thị Xuân P được Văn phòng Công chứng T chứng thực số 2186, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2012 và Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị Xuân P

và anh Phạm Gia Kỳ T1 được Văn phòng Công chứng T chứng thực số 2187, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2012, hủy một phần di chúc của cụ Một do Phòng công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng chứng thực số 1039, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/5/2004 đối với mục 01 tại di chúc “Quyền đồng sở hữu (½ căn nhà) số 05, An Tôn, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và kỷ phần thừa kế mà cụ Một được hưởng của cụ Cẩm cho bà Phạm Thị Xuân P và cháu Phạm Gia Kỳ T1”.

Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với các yêu cầu vừa nêu.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Không chấp yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th đối với bà Phạm Thị Xuân P về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” đối với quyền sử dụng đất diện tích 300m², thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Xác định một phần căn nhà gạch có diện tích 90,3m² tọa lạc trên lô đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 249,5m² thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Phạm Gia Kỳ T1.

Anh T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà, Quyền sử dụng đất đối với một phần căn nhà và diện tích đất nói trên theo quy định của pháp luật.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/4/2022 bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế là 300m² đất ở, thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 14, tại số 5 An Tôn, Phường 5, thành phố Đ, trên đất có căn nhà 80,12m² theo giấy CNQSDĐ số AL 012570 do UBND thành phố Đ cấp ngày 04/01/2008, cho bà Đoàn Thị Một, ông Phạm Ngọc Cẩm (chết).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th là người kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo trình bày:

“Chức thư phân định tài sản lập ngày 19/7/1993” mà bà P cung cấp cho Tòa án là Chức thư giả, bởi lẽ, theo Điều văn cụ Cẩm để lại có viết “...Ngày tôi ra đi chỉ còn để lại một ngôi nhà thờ nhỏ bé, một mảnh vườn đất cón con và một

bề cháu con, trong đó đặc biệt 2 cháu mồ côi: Phạm Gia Kỳ T1, Phạm Gia Kỳ Sơn...”, nếu như tài sản đã cho bà P thì không thể nào lại viết như vậy. Cụ Cẩm là một người giỏi chữ nghĩa nên Chúc thư phân định tài sản nhờ ông Ngô Tấn Công viết là không phù hợp. Hơn nữa, cụ Cẩm không thể viết nhầm tên con gái, tuy nhiên trong Chúc thư ghi tên Phạm Thị Xuân Hương, sau đó lại sửa chữ Hương thành chữ Yên. Bị đơn khẳng định Chúc thư là do cụ Cẩm, cụ Một ký nhưng Chúc thư không hề có chữ ký của cụ Một, tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây là ý chí của 2 cụ là không đúng. Sau khi cụ Cẩm chết, các con chia đất là theo Chúc thư cùng ngày 19/7/1993 nhưng không phải bản Chúc thư do bà P cung cấp cho Tòa án mà theo Chúc thư khác do chính tay cụ Cẩm viết, bà P đang giữ không cung cấp cho Tòa án bản Chúc thư này. Ông Ngô Tấn Công là người viết Chúc thư nay đã chết nên Chúc thư chưa được xác minh, làm rõ. Nguyên đơn không đồng ý với Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hội đồng khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hà Nội nên đề nghị cho giám định tuổi mực của Chúc thư ngày 19/7/1993 bà P đã cung cấp. Theo ông Bá là đại diện nội tộc ký tên trong Chúc thư có trình bày, ông ký năm 1996 là sau khi có Chúc thư ngày 19/7/1993, do ông Trung đưa cho ông ký. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 22 Luật Giám định tư pháp cho giám định tuổi mực của Chúc thư trên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Bà Phan Thị Lệ Th1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị Xuân P trình bày: Nguyên đơn bà V, bà T, bà Th cho rằng chữ ký trong “Chúc thư phân định tài sản lập ngày 19/7/1993” không phải chữ ký của cụ Cẩm và đã 3 lần yêu cầu giám định chữ ký. Tuy nhiên, có 2 Kết luận giám định kết luận chữ ký đúng là của cụ Cẩm. Chúc thư này thực chất là bản phân chia tài sản của cụ Cẩm và cụ Một, các chị em đã phân chia đất sau khi cụ Cẩm mất, bà T và bà Th thừa nhận đất được cha mẹ chia, đã chuyển nhượng phần đất được chia cho bà P. Khi bà Th và bà Uyên khiếu nại yêu cầu bà P mở lối đi thì cụ Một và các chị em mở cuộc họp bất thường, chính ông Ngô Tấn Công (người viết Chúc thư ngày 19/7/1993) lập biên bản, các chị em cũng thống nhất phần đất bên ngoài của cha mẹ chia cho bà P. Khi tranh chấp đất tại thửa 197 giữa bà P và bà U, cụ Một cũng yêu cầu bà U thực hiện Chúc thư ngày 19/7/1993 của cụ Cẩm để lại, trả đất cho bà P. Cụ Cẩm và cụ Một chỉ có một căn nhà, năm 1986 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đứng tên cụ Cẩm và cụ Một (bìa trắng), đến ngày 04/01/2008 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền với căn nhà này đứng tên cụ Một và cụ Cẩm (chết) là phù hợp. Theo Chúc thư ngày 19/7/1993 cụ Cẩm và cụ Một đã chia đất ở gắn liền căn nhà cho bà P nên đây không phải tài sản của cụ Cẩm và cụ Một để lại chưa chia. Đơn xin trích giao nhà đất của cụ Cẩm viết năm 1993, thể hiện giao cho trưởng nữ Phạm Thị Xuân P nhà đất là thống nhất ý chí với bản Chúc thư. Như vậy, bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định; đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Phạm Gia Kỳ T1 trình bày: Anh T1 là người sinh sống, phụng dưỡng, nay là người thờ cúng hai cụ. Nhà đất đã chia xong đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về kháng cáo của các đương sự: Nội dung kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, Chúc thư đã 3 lần giám định chữ ký của cụ Cẩm, nay yêu cầu giám định tuổi mực của Chúc thư là không cần thiết. Khi còn sống cụ Một cũng thể hiện đồng ý chỉ của cụ Cẩm tại Chúc thư ngày 19/7/1993. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 01/11/2022 bà V, bà T và bà Th có Đơn yêu cầu giám định tuổi mực của tài liệu “Chúc thư phân định tài sản lập ngày 19/7/1993” (gọi là Chúc thư). Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà V, bà T và bà Th cho rằng chữ ký dưới mục “người lập Chúc thư” trong Chúc thư không phải của cụ Phạm Ngọc Cẩm nên đã yêu cầu Công an tỉnh Lâm Đồng, Phân viện khoa học Hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hội đồng giám định của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hà Nội giám định chữ ký và đã có kết luận tại các bút lục 344, 436, thể hiện có đủ căn cứ xác định cụ Phạm Ngọc Cẩm ký tên trong Chúc thư trên; do đó, việc bà V, bà T và bà Th yêu cầu giám định tuổi mực của tài liệu “Chúc thư phân định tài sản lập ngày 19/7/1993” là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ tranh chấp di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 300m², thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 14 và tài sản trên đất là căn nhà diện tích 90,3m², tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (BL: 729). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút của bà V, bà T và bà Th là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của bà V, bà T và bà Th về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” đối với quyền sử dụng đất diện tích 300m² (đo thực tế 249,5m²), thuộc

thửa 685, tờ bản đồ số 14 và tài sản trên đất là căn nhà diện tích 90,3m², tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng:

[3.1]. Tại Kết luận giám định số 6528/C09B ngày 29/12/2020 của Phân viện khoa học Hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh và Kết luận giám định số 96/C09-P5 ngày 13/5/2021 của Hội đồng Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hà Nội đã kết luận “*Chữ ký đứng tên Phạm Ngọc Cẩm dưới mục Người lập chúc thư*” là do cụ Phạm Ngọc Cẩm ký (BL: 344, 436). Chúc thư do ông Ngô Tấn Công viết lại trên cơ sở bút tích của cụ Phạm Ngọc Cẩm, có xác nhận của ông Dương Hiền Bá đại diện nội tổ và ông Đoàn Văn Tứ đại diện ngoại tổ chứng kiến (BL: 108, 109, 110).

[3.2]. “Chúc thư phân định tài sản lập ngày 19/7/1993” của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một có nội dung chia đất cho các con canh tác, thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước, trong đó bà Phạm Thị Xuân P được chia diện tích 1.000m² thuộc đất rau hoa gồm 3 khoảnh, kể cả thổ cư và 01 ngôi nhà thờ (BL: 109). Sau khi cụ Phạm Ngọc Cẩm chết, các con là bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th, bà Phạm Thị Xuân P, bà Phạm Thị Xuân U đã căn cứ vào nội dung của Chúc thư, để tiến hành phân chia tài sản. Theo sơ đồ địa chính, diện tích đất của hai cụ phân chia cho các con thuộc tờ bản đồ số 14, Phường 5, thành phố Đ, cụ thể như sau: Bà P được nhận các thửa đất giáp với đường A, Phường 5, thành phố Đ gồm thửa 197, diện tích 605m² và thửa 199, diện tích 431m²; thửa 198, diện tích 495m² trên đó có căn nhà 90,3m² và thửa 208 diện tích 306m². Bà Th được nhận thửa 207 diện tích 912m²; bà V và bà T được nhận thửa 206 diện tích là 2.672m²; bà U và bà Yên được nhận thửa 205 diện tích là 1.200m² (BL: 124).

[3.3]. Tại Giấy sang nhượng hoa màu của bà Th cho bà P có nội dung: “*Hôm nay ngày 02/02/1996 hai vợ chồng tôi Phạm Thị Xuân Th, Trần Quang Tương, được bố mẹ cho một miếng đất tại số 05 An Tôn, Phường 5, thành phố Đ, chia theo tờ di chúc của cha để lại ngày 19/7/1993, cha Phạm Ngọc Cẩm, mẹ Đoàn Thị Một, được sự hiện diện nội tổ đại diện chứng kiến, ngoại tổ ông Đoàn Văn Tứ đại diện chứng kiến. Vì điều kiện gia đình không thể trồng hoa màu nên vợ chồng tôi nhường lại phần của bố cho chị tôi là Phạm Thị Xuân P được quyền sử dụng phần đất thừa kế của tôi với giá là 10.000.000đ, trị giá 02 lượng vàng*” (BL: 94). Tại Giấy sang nhượng đất trồng hoa màu của bà T cho bà P có nội dung: “*Hôm nay, ngày 07/7/1999 hai vợ chồng tôi Huỳnh Dương Anh Dũng và Phạm Thị Xuân T có một miếng đất tại số 05, An Tôn do gia đình cha mẹ để lại, chia cho các con theo tờ di chúc của cha mẹ để lại ngày 19/7/1993, cha Phạm Ngọc Cẩm, mẹ Đoàn Thị Một, được sự hiện diện nội tổ đại diện chứng kiến, ngoại tổ anh Đoàn Văn Tứ đại diện chứng kiến và các con rỏ đều tham dự nhận ký phần. Vì điều kiện gia đình vợ chồng tôi không thể trồng hoa màu được, nay vợ chồng tôi nhường lại miếng đất diện tích 01 sào (1.000m²) cho chị tôi là Phạm Thị Xuân P toàn quyền sử dụng, đã thỏa thuận hai bên vợ chồng tôi và vợ chồng anh chị Phương với giá 02 cây vàng*” (BL: 93). Như vậy, có căn cứ thể hiện bà Th và bà T đã chuyển nhượng phần đất được chia theo “Chúc thư phân

định tài sản lập ngày 19/7/1993” của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một cho bà P.

[3.4]. Năm 1997, bà U tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 197 với bà P, tại Biên bản họp gia đình ngày 16/9/2006 cụ Đoàn Thị Một, bà P, bà V, bà T và bà Th đều thống nhất đề nghị bà U thực hiện theo nội dung “Chức thư phân định tài sản lập ngày 19/7/1993” của cụ Phạm Ngọc Cẩm để lại. Năm 2005, bà V và bà U tranh chấp lối đi từ đường A đi vào các thửa đất bên trong của bà V và bà U với bà P; tại Đơn khiếu nại ngày 28/6/2005 của bà V và bà U có nội dung: “Cha mẹ tôi có 5.000m² đất tại số 5 An Sơn, Phường 5, thành phố Đ, diện tích trên không được bằng phẳng vì là đất đồi nên chia làm nhiều lô để sản xuất. Lô đầu tiên giáp đường A và lô cuối giáp đất núi. Lô đầu tiên cha mẹ chúng tôi cho bà P, chúng tôi ở phía sau, trước đây có một con đường đi chung từ lô đầu tiên của bà P đến lô đất cuối cùng của chúng tôi, từ bao năm chúng tôi vẫn đi chung, nay bà P không cho đi nữa làm chúng tôi ở phía trên không có lối đi” (BL: 126). Tại Biên bản cuộc họp bất thường của gia đình ngày 07/7/2005 gồm có cụ Đoàn Thị Một, bà P, bà V, bà U đã thỏa thuận về việc mở con đường đi từ chân đồi giáp đường A lên đỉnh đồi, trong đó có nội dung “Đoạn đường từ đường A đến đoạn đường ngang đều nằm trên phần đất của bà Phạm Thị Xuân P” và người lập biên bản bất thường này là ông Ngô Tấn Công, cũng chính là người viết Chức thư ngày 19/7/1993 (BL: 124, 127). Do đó, bà V và bà U đã thừa nhận toàn bộ phần đất phía ngoài giáp đường đi đã được cha mẹ lập Chức thư chia cho bà P và hiện nay bà P và anh T1 đang quản lý, sử dụng.

[3.5]. “Chức thư phân định tài sản lập ngày 19/7/1993” của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một, đã được các con của hai cụ chia, nhận đất trên thực tế và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Chức thư có giá trị và đã thực hiện xong. Người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn cho rằng các con của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một chia đất bằng một “Chức thư khác” do chính cụ Phạm Ngọc Cẩm viết, lập cùng ngày 19/7/1993, được cụ Cẩm và cụ Một cùng ký tên, tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được “Chức thư khác” này vì cho rằng bà P đang cất giữ là không phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

[3.6]. Theo Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 19/4/1996 của bà P, thửa 198 có diện tích là 495m². UBND thành phố Đ chỉ mới xét cấp 245m² đất nông nghiệp cho bà P, đến ngày 15/01/2008 điều chỉnh diện tích 245m² đất nông nghiệp cấp cho bà P xuống còn 220m² (Phần đất còn lại đã chuyển sang đất ở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL012570 cấp ngày 04/01/2008) thuộc thửa 685, như vậy, thửa 685 được tách từ thửa 198 và 197 (BL: 113, 121). Theo trình bày của người đại diện cho bà P thì năm 1988, Sở xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp giấy CNQSH nhà đứng tên cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một (bìa trắng) nên UBND thành phố Đ cấp giấy CNQSDĐ đất ở (gắn liền nhà) số AL012570 ngày 04/01/2008, ghi tên cụ Phạm Ngọc Cẩm (chết) và cụ Đoàn Thị Một là phù hợp với nguồn gốc nhà đất của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một. Tuy nhiên, theo Chức Thư thì nhà đất ở cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn

Thị Một đã phân chia cho bà P (BL: 109). Mặt khác, theo Văn bản trả lời đơn khiếu nại số: 263/TANDTC-DS ngày 07/6/2011 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao đối với bà U, đã xác định 81,46m² tại thửa 197, tờ bản đồ số 14, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là một phần trong khu đất bà P được cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một phân chia theo Chúc thư ngày 19/7/1993 nên không có căn cứ để xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 66/2008/DS-ST ngày 28/11/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và Bản án Dân sự phúc thẩm số 44/2009/DS-PT ngày 23/02/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (BL: 129).

[3.7]. Ngày 18/5/2004, cụ Đoàn Thị Một đã lập Di chúc giao quyền đồng sở hữu $\frac{1}{2}$ căn nhà và kỷ phần thừa kế mà cụ được hưởng của cụ Phạm Ngọc Cẩm cho bà P và anh T1 (BL: 106, 107). Điều đó thể hiện, về ý chí cụ Một đã thống nhất tặng cho tài sản và kỷ phần thừa kế của cụ Một được hưởng cho bà P và anh T1 khi bà P và anh T1 chưa làm được giấy tờ nhà đất, như bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Thực hiện Chúc Thư của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một, bà P và anh T1 được chia và quản lý, sử dụng diện tích 300m² đất (đo thực tế 249,5m²) trên đất có căn nhà, tại thửa 685 (tách ra từ thửa 198 và thửa 197), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng từ năm 1993 đến nay, là hoàn toàn phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một.

[3.8]. Ngày 04/01/2008, UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng 300m² đất, tại thửa 685 đứng tên cụ Phạm Ngọc Cẩm (chết) và cụ Đoàn Thị Một. Nguyên đơn cho rằng diện tích 300m² đất đo thực tế 249,5m², thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng mới được cấp giấy CNQSDĐ năm 2008, nên đây là di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một để lại chưa chia nên yêu cầu chia là không có căn cứ. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nguyên đơn bà V, bà T và bà Th kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn yêu cầu giám định tuổi mục của “Chúc thư phân định tài sản lập ngày 19/7/1993” của cụ Phạm Ngọc Cẩm và cụ Đoàn Thị Một. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; bác đơn kháng cáo của bà V, bà T và bà Th, giữ y bản án sơ thẩm. Bà V, bà T và bà Th phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th; giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng như sau:

- Căn cứ khoản 3, khoản 5, khoản 14 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 157; Điều 161; Điều 165 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 653, Điều 655, Điều 656, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 1995. Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 465, Điều 467, điểm a khoản 1 Điều 676 và Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng số K326085 do Ủy ban nhân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/9/1997 cho bà Phạm Thị Xuân P, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M448158 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/10/1998 cho hộ bà Phạm Thị Xuân P; hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế do Văn phòng Công chứng T chứng thực số 2185, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2012; hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim Th4, bà Nguyễn Thị Ai H, ông Nguyễn Hồng Q, ông Nguyễn Hồng V1 và bà Phạm Thị Xuân P được Văn phòng Công chứng T chứng thực số 2186, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2012 và Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị Xuân P và anh Phạm Gia Kỳ T1 được Văn phòng Công chứng T chứng thực số 2187, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2012, hủy một phần di chúc của cụ Một do Phòng công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng chứng thực số 1039, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/5/2004 đối với mục 01 tại di chúc “Quyền đồng sở hữu (½ căn nhà) số 05, An Tôn, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và ký phần thừa kế mà cụ Một được hưởng của cụ Cẩm cho bà Phạm Thị Xuân P và cháu Phạm Gia Kỳ T1”.

Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với các yêu cầu vừa nêu.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th đối với bà Phạm Thị Xuân P về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” đối với quyền sử dụng đất diện tích 300m², thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

2.1. Xác định một phần căn nhà gạch có diện tích 90,3m² tọa lạc trên lô đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 249,5m² thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại số 05, đường A, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Phạm Gia Kỳ T1.

Anh Phạm Gia Kỳ T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà, Quyền sử dụng đất đối với một phần căn nhà và diện tích đất nói trên theo quy định của pháp luật.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện kèm theo).

2.2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th mỗi người phải chịu 29.364.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá tài sản và giám định.

Buộc bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th mỗi người phải thanh toán cho bà Phạm Thị Xuân P số tiền 3.864.000đ (ba triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2.3. Về án phí:

Các đương sự không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Xuân V được nhận lại số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017891 ngày 12/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bà Phạm Thị Xuân T được nhận lại số tiền 5.300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017890 ngày 12/12/2019 và AA/2017/0004061 ngày 08/10/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bà Phạm Thị Xuân Th được nhận lại số tiền 5.300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017892 ngày 12/12/2019 và số AA/2017/0004062 ngày 08/10/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Xuân V, bà Phạm Thị Xuân T, bà Phạm Thị Xuân Th được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu VP (6), HS (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

